

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

DẠY HỌC KẾT HỢP TRONG XU HƯỚNG GIÁO DỤC CỦA CUỘC CÁCH MẠNG 4.0

LÊ CHÍ HIẾU* - NGUYỄN THỊ HUỆ**

TÓM TẮT: Dạy học kết hợp đang dần trở thành xu thế ở các nước có nền giáo dục phát triển như Âu-Mỹ. Tại Việt Nam, giáo dục cũng đang dần thay đổi để thích nghi với tình hình mới. Dạy học truyền thống đang dần được đổi mới bằng sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ, tăng tính tự chủ của sinh viên trong học tập, cá nhân hóa quá trình học tập của học viên. Dạy học kết hợp ra đời để đáp ứng những thay đổi đó. Tính ứng dụng của dạy học kết hợp rất cao khi nó bắt đầu được áp dụng tại các trường học ở Việt Nam.

TỪ KHÓA: dạy học kết hợp; giáo dục đại học; xu hướng giáo dục; giáo dục 4.0; công nghệ dạy học.

NHẬN BÀI: 11/11/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 30/12/2021

1. Những vấn đề chung

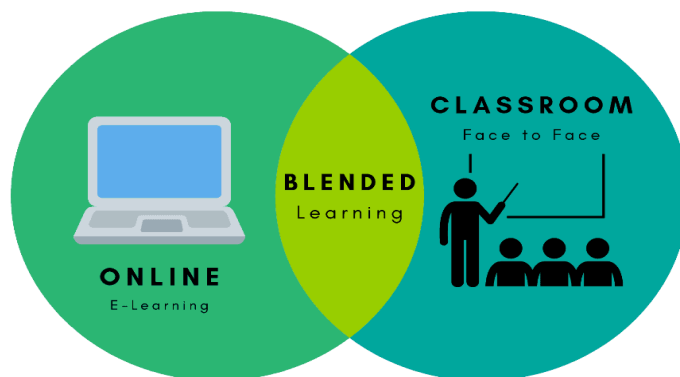
1.1. Xu hướng giáo dục trong thời đại 4.0 sẽ mang hơi hướng của công nghệ. Việc áp dụng E-learning vào giảng dạy sẽ ngày càng trở nên phổ biến. Sự tiếp xúc trực diện giữa giảng viên và sinh viên sẽ ngày càng giảm đi. Thay vào đó là quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và sự hướng dẫn “từ xa” của giảng viên. Vai trò của giảng viên cũng sẽ có nhiều thay đổi để phù hợp với xu thế giáo dục mới,... Tất cả những biến chuyển đó làm tiền đề để tạo ra một phương pháp giáo dục mới đang dần trở thành xu thế. Đó chính là dạy học kết hợp (DHKH - blended learning). Hiểu rộng ra DHKH là sự kết hợp giữa hình thức học trực tiếp và lớp học trực tuyến. Do đó, còn có thể hiểu đó là dạy học hỗn hợp. Nó phát huy được thế mạnh trong việc tạo ra môi trường học tập giàu tính tương tác, tạo thế chủ động sáng tạo cho học viên, phát huy tính truyền thống trong dạy học trực tiếp và sáng tạo trong học trực tuyến.

1.2. Trên thế giới, nghiên cứu về DHKH bắt đầu từ những năm 2000 của thế kỉ trước. Thậm chí, đến ngày nay, các học giả cũng chưa thống nhất được một định nghĩa chính xác về DHKH. Thực vậy, Driscoll (2002) cho rằng, DHKH là sự kết hợp của các phương pháp dạy học (instructional methods). Ngược lại, Delialioglu và Yildirim (2007) cho rằng, sự kết hợp có tính chiến lược giữa các công cụ ICT vào các tiết học lí thuyết tạo ra cách tiếp cận mới mẻ cho các mục đích dạy học. Đồng quan điểm, Garrison và Kanuka (2004) nhận ra rằng, môi trường DHKH vẫn duy trì các giá trị của các lớp học truyền thống giúp cải thiện tính hiệu quả của lớp học. Ở một khía cạnh khác bảo thủ hơn, Bonk (2004, tr.5) đưa ra 3 định nghĩa về DHKH là: 1) Sự kết hợp của các phương tiện media; 2) Sự kết hợp của các phương pháp dạy học; 3) Sự kết hợp của dạy học trực tuyến và trực tiếp.

Tuy nhiên, định nghĩa thứ 3 về DHKH thường được các học giả chấp nhận hơn. Picciano (2006), cho rằng có 2 cấu thành quan trọng để xác định DHKH là trực tuyến và trực tiếp. Chúng ta có thể quan sát sơ đồ sau để hiểu về DHKH:

* TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hieulc@hau.edu.vn

** TS; Học viện Cảnh sát Nhân Dân; Email: huetuan.nguyenthi@gmail.com



Năm 2001, Colin và Moonen đưa ra định nghĩa về DHKH như sau: “*một dạng kết hợp của dạy học truyền thống và học online, thực hiện trên lớp học và trực tuyến và các yếu tố trực tuyến trở thành một dạng mở rộng của lớp học truyền thống*” (*a hybrid of traditional face-to-face and online learning so that instruction occurs both in the classroom and online, and where the online component becomes a natural extension of traditional classroom learning*) [Colis & Moonen, 2001, tr.3].

Từ nghiên cứu lý thuyết, DHKH đã được áp dụng vào giảng dạy tại các trường học tại một số quốc gia phát triển. Tại Mỹ, rất nhiều trường phổ thông và đại học đã áp dụng mô hình học kết hợp đem đến hiệu quả cao cho người học vì nó đem lại nhiều lợi ích như học sinh ở mọi lúc mọi nơi, giảm chi phí vận hành nhà trường do giảm thời lượng học tập trên lớp, học sinh không phải đến trường thường xuyên, giáo viên không phải lên lớp toàn thời gian. Tại Đại học Babson (Mỹ), sinh viên chỉ phải làm việc 50% trên lớp, 50% còn lại làm việc online và tham vấn trực tuyến với giáo viên. Tại Australia và New Zealand, DHKH trở thành mô hình học tập chiến lược tại các trường đại học. Tất cả tài liệu học tập được giao cho sinh viên thông qua các platform trước khi lên lớp. Sinh viên trao đổi, tham vấn với giáo viên thông qua các nền tảng công nghệ. Các giờ trên lớp trực tiếp chỉ còn mang tính chất giải đáp thắc mắc và tư vấn kiến thức. Rất nhiều trường tại Úc đã áp dụng mô hình này như Queensland, Griffith, Tasmania,...

Tại Việt Nam, mô hình DHKH bắt đầu được đưa vào nghiên cứu những năm 2014-2015. Đã có một số tác giả nghiên cứu lý thuyết mô hình này như các bài báo tạp chí, luận văn, luận án, báo cáo tại các hội thảo về DHKH. Tuy nhiên, các nghiên cứu lý thuyết còn rời rạc, mang tính chất cá nhân và hạn chế ở mức gợi mở vấn đề. Về triển khai thực tiễn, do đây còn là mô hình dạy học mới ở Việt Nam nên chưa được áp dụng nhiều trong các trường đại học và trường phổ thông. Nhiều trường đại học đã được tiếp cận DHKH do sự tài trợ của dự án ETEP. Tuy nhiên, việc áp dụng cho các bài giảng còn nhiều hạn chế và thiếu đồng bộ do chưa thiết kế được mô hình và quy trình thực hiện DHKH hiệu quả [N.H. Nam, 2019]. Tuy nhiên, đã có một số trường đại học đã và đang áp dụng mô hình này hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh Covid toàn cầu. Chẳng hạn, tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, các sinh viên đã được tiếp cận và sử dụng thành thạo mô hình này trên nền tảng công nghệ được đảm bảo thông suốt từ quá trình học đến kiểm tra đánh giá. Nhờ đó, dù ảnh hưởng của Covid 19 nhưng nhà trường vẫn đảm bảo tiến độ học tập và thi cử cho sinh viên.

2. Nội dung cụ thể

2.1. Từ nghiên cứu lý luận của các nhà giáo dục học (Barbour, Kennedy, 2014) và Graham (2005), chúng ta thấy DHKH đang dần trở thành xu hướng cho giáo dục tương lai. Bởi vì nó đem lại

rất nhiều lợi ích và kết hợp được các yếu tố công nghệ xu hướng 4.0. Các học giả đưa ra các lý do sau để giải thích lý do vì sao DHKH đang dần trở thành xu thế:

1) **Đổi mới phương pháp sư phạm:** Trong DHKH, vai trò của giáo viên đã thay đổi. Từ một người có vị trí trung tâm thì giờ đây họ trở thành người định hướng các hoạt động trên lớp cho người học. Lúc này, thời gian trên lớp không còn giữ vai trò chủ đạo. Cả Thầy và Trò phải dành nhiều thời gian hơn cho tự học, tự chuẩn bị bài. Thời gian trên lớp tăng cường cho giải đáp và tập trung vào các thắc mắc của người học. Ngoài ra, dạy học sẽ hiệu quả hơn do tăng tính ứng dụng trên lớp. Yếu tố công nghệ đóng vai trò quan trọng trong đổi mới phương pháp sư phạm. E-learning, smart technology,... sẽ xuất hiện dày đặc trong các bài giảng trực tuyến và trực tiếp.

2) **Tăng tính linh hoạt của giáo viên và người học.** Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) hay Xoay vòng (rotation) sẽ hỗ trợ tối đa cho sự linh hoạt này (lựa chọn khóa học trực tuyến/ và học trực tiếp để hoàn thành khóa học). Người học thay vì cố định lên lớp như trước đây có thể linh hoạt sắp xếp thời gian và công việc để chuẩn bị bài và xây dựng dự án học tập của riêng mình. Đối với những sinh viên cá biệt hoặc xuất sắc, giáo viên có thể xây dựng các dự án cá nhân hóa để phù hợp với trình độ của các sinh viên. Điều mà các lớp học truyền thống rất khó mà làm được do thời gian trên lớp hạn chế.

3) **Giảm chi phí đào tạo, cơ sở vật chất, tiết học trực tiếp.** Tại Mỹ, rất nhiều trường học đã giảm được chi phí vận hành do thời gian trên lớp giảm đi, tăng thời lượng học trực tuyến. Một giáo viên có thể đảm nhiệm vai trò của một số giáo viên khác nên trường học có thể trả lương cho 1 giáo viên thay vì vài giáo viên như trước khi áp dụng DHKH. Khi học, sinh viên đến trường ít hơn thì nhu cầu sử dụng cơ sở vật chất sẽ giảm đi. Nhà trường sẽ giảm được tiền thuê nhà và khấu hao trang thiết bị máy móc.

Thực tế triển khai DHKH tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cho thấy những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ, nhất là trong bối cảnh Covid hiện nay, khi sinh viên không thể đến trường. Việc xây dựng một nền tảng dạy học online đã được nhà trường triển khai chủ động từ rất sớm. Các lớp học online được tạo ra trên cùng một platform. Các lớp học này được chia làm 3 giai đoạn: trước, trong và sau khi lên lớp. Mỗi giai đoạn đều được mô hình hóa cụ thể thành các hoạt động sinh viên chủ động học tập và làm việc ở nhà. Thời gian tự làm việc và chuẩn bị bài, ôn tập sau khi lên lớp sẽ gấp đôi ít nhất thời gian trên lớp. Trước khi lên lớp, sinh viên bắt buộc phải đọc tài liệu và tự học bài học trước khi lên lớp thông qua việc làm các câu hỏi trắc nghiệm, hay các bài tập nhỏ về nội dung của bài học. Điều này rất quan trọng vì khi lên lớp sinh viên đã có kiến thức nền tảng về bài học và có những câu hỏi để đem ra thảo luận trên lớp. Đó chính là hiệu quả của DHKH.

2.2. Rõ ràng DHKH đang trở thành xu thế của giáo dục tương lai. Bên cạnh những ưu điểm mà nó mang lại thì vẫn còn một số tồn tại cần đem ra thảo luận để khắc phục và hoàn thiện phương pháp này:

Liệu DHKH có làm tăng thời gian làm việc của giáo viên và người học? Tuy thời gian trên lớp giảm đi nhưng cả giáo viên và người học đều phải dành nhiều thời gian cho làm việc trực tuyến. Thời gian này là không cố định nên nếu không sắp xếp thời gian làm việc một cách khoa học thì sẽ kéo dài và không tập trung. Hơn nữa, việc phân bổ thời gian và chất lượng bài giảng giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp cũng đặt ra nhiều vấn đề cho cả giáo viên và người học.

DHKH là sự kết hợp của E-learning và smart technologie. Vì vậy, đòi hỏi cả giáo viên và người học phải đổi mới mình về kiến thức và công nghệ. Việc không sử dụng thành thạo các nền tảng công nghệ sẽ khiến họ bị hụt hơi trong dòng chảy xu thế. Hàng loạt các công cụ dạy học trực tuyến bổ trợ

cho DHKH ra đời sẽ giúp ích rất nhiều cho nó nhưng cũng sẽ khiến người sử dụng nó nản lòng vì không theo kịp tốc độ phát triển.

DHKH phát huy tính tự chủ của người học. Nếu chúng ta càng tự giác học tập thì hiệu quả càng cao. Tuy nhiên, thực tế cho thấy học viên chưa hoàn toàn tự giác khi học tập theo mô hình này. Vì vậy, làm thế nào để người học tăng cường tính tự chủ là một câu hỏi khó. Điều này đòi hỏi giáo viên phải đầu tư nhiều thời gian, công sức hơn để thay đổi tư duy và phương thức làm việc của học viên thì mới tận dụng triệt để hiệu quả của DHKH.

4. Kết luận

DHKH không chỉ là phương pháp mà còn trở thành xu thế của giáo dục hiện đại. Mặc dù, phương pháp này ra đời chưa lâu nhưng đã có những bước phát triển vượt bậc và sớm đi vào thực tế dạy và học. Những thuận lợi là rõ ràng nhờ áp dụng những tiến bộ của công nghệ 4.0 và thay đổi tư duy của thầy và trò. Bên cạnh đó là những khó khăn gặp phải. Trong bối cảnh diễn biến thế giới nhiều thay đổi lớn thì DHKH là một phương pháp dạy học ưu việt giúp thích ứng hoàn cảnh. Vì vậy, chúng ta cần có thêm nhiều nghiên cứu hơn nữa về DHKH để có thể ứng dụng trên diện rộng phương pháp này trong dạy và học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bonk C. (2004), *Future directions of Blended learning in higher education and workplace learning setting*, Handbook of BL.
2. Driscoll Margaret (2002), *Let's get beyond the hype*, E-learning magazine.
3. Delialioglu & Yildirim (2007), *Student's perception on Effective dimension of interaction learning in Blended learning environment*. Educational science & technology.
4. Garrison (2004), *Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education*. Internet and Higher education.
5. Graham C. (2006), *Blended learning system, definition, current trends and future directions*, San Francisco.
6. Naomi Harm (2020), *What is the difference between Online, Blended, and Virtual Learning*. CEO and founder of Innovative Educator Consulting November 10, 2020.
7. Maryam Tayebinik - Marlia Puteh (2013), *Blended learning or E-learning*, Cornell University.

Blended learning in trend of education 4.0

Abstract: Blend learning becomes step by step the trend of education of future. Actually, it is popular in many universities in Europe and USA. The traditional education “face to face” is replaced and supported by smart technology, activeness of student and their individualization in education. In Vietnam, blended learning appears in seminar, research paper and now in application. Hanoi University of Industry is the pioneer in applying the BL in teaching and learning of FL. They use the platform EOP and website in practicing. In fact, it gets some success in reality and although in assessment of FL.

Key words: Blended learning; higher education; trend of education; education 4.0; education technology.